



chéng tiān

成天

Adverb · all day long; all the time

Example Sentences

tā chéng tiān zài jiā
他成天在家。

He stays at home all day.

tā chéng tiān dài zài tú shū guǎn lǐ xué xí
他成天待在图书馆里学习。

He stays in the library studying all day long.

wǒ mèi mèi chéng tiān kàn dòng huà piàn kě kāi xīn le
我妹妹成天看动画片，可开心了。

My younger sister watches cartoons all day long and is very happy.

Trace each character, then write the word on your own.

成	成	成	成	成	成	成	成	成				
天	天	天	天	天	天	天						